

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/DS-PT
Ngày: 20 - 9 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc
và hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc và hợp đồng mua bán. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2021/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 78/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty A

Địa chỉ trụ sở: Khóm 8, Phường L, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T, Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà H, sinh năm 1982; địa chỉ: Khóm M, Phường Y, thành phố X, tỉnh Bạc Liêu. (Văn bản ủy quyền ngày 06/5/2020), (có mặt).

- Bị đơn: Bà B, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông G, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm V, Phường Z, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng,

- Người kháng cáo: Bà B, là bị đơn

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào ngày 25/01/2020 (âm lịch) Công ty và bà B ký kết Hợp đồng mua bán lúa tươi. Nội dung bà B bán cho Công ty 1000 tấn lúa Đài Thom 8 và 1000 tấn lúa

OM18 với giá 5.080 đồng/kg, thời gian giao lúa từ ngày 15/02/2020 đến ngày 05/3/2020 (âm lịch). Để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng, Công ty đã đặt cọc cho bà B nhận số tiền 600.000.000 đồng; thỏa thuận nếu không giao đủ lúa thì sẽ đền cọc gấp ba lần với số tiền đã đặt cọc, không đổ thừa cho cò lúa hoặc bà con nông dân hay lúa thất hoặc lý do khác. Hết thời hạn giao lúa theo hợp đồng, nhưng bà B giao không đủ lúa theo thỏa thuận, sổ sách thể hiện bà B đã giao 872 tấn lúa, còn lại 1.128 tấn lúa không giao và bà B đã hoàn lại cho Công ty 260.000.000 đồng tiền đặt cọc, hiện còn giữ tiền cọc là 340.000.000 đồng.

Công ty A, do người đại diện theo ủy quyền bà ố H trình bày: Do bà B vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho Công ty, nên yêu cầu bà B trả tiền cọc và phạt cọc theo thỏa thuận tổng số tiền là 1.020.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn bà B trình bày: Bà đưa giống lúa cho nông dân và nông dân hứa bán lúa cho bà giá 5.000 đồng/kg. Tuy nhiên, hết thời hạn hợp đồng, bà giao được hơn ½ số lúa, không giao đủ lúa như thỏa thuận là do giá lúa lên từ 5.400 đồng/kg đến 5.600 đồng/kg và nông dân lên bán lúa cho người khác. Công ty yêu cầu bà B trả tiền cọc và phạt cọc theo thỏa thuận là 1.020.000.000 đồng, bà không đồng ý, vì bản thân bà cũng bị thiệt hại nhiều, chỉ đồng ý thanh toán tiền cọc còn giữ là 340.000.000 đồng.

Bà B có yêu cầu phản tố đòi Công ty trả tiền 01 ghe lúa giao ngày 22/02/2020, số tiền là 169.280.000 đồng (ông X lái) do Công ty nhận lúa, (ông G nhận) nhưng không trả tiền; yêu cầu Công ty hỗ trợ 100.000.000 đồng, do Công ty hứa hỗ trợ.

Công ty đồng ý yêu cầu phản tố của bà B, đòi Công ty trả tiền 01 ghe lúa là 169.280.000 đồng, do không có chứng từ đã thanh toán; đối với yêu cầu hỗ trợ 100.000.000 đồng, Công ty không đồng ý, do Công ty chỉ hứa hỗ trợ khi giao đủ lúa theo hợp đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông G trình bày: Bà B yêu cầu phản tố đòi Công ty A trả tiền 01 ghe lúa số tiền 169.280.000 đồng, do ông đại diện Công ty nhận lúa, ông đã thanh toán đủ, vì giao nhận lúa thỏa thuận sau khi nhận lúa, trả tiền xong thì mới cho ghe lúa đi; đồng thời sau đó bà B vẫn tiếp tục giao lúa bình thường không nói tiền ghe lúa trên chưa trả.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:22/2021/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với bà B. Buộc bà B có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền 1.020.000.000 đồng. (Một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng).

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà B đối với Công ty A. Buộc Công ty A có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 169.280.000 đồng. (Một trăm sáu mươi chín triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng)

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà B yêu cầu Công ty A trả tiền hỗ trợ giá lúa 100.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc Công ty A chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.464.000 đồng, đã dự nộp 21.300.000 đồng, được nhận lại 12.836.000 đồng. Bà B phải chịu án phí dân

sự sơ thẩm là 47.600.000 đồng, đã dự nộp 6.732.000 đồng, còn nộp tiếp 40.868.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên lỗi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/5/2021, bị đơn bà B kháng cáo không đồng ý phạt cọc 680.000.000 đồng, xin chỉ trả lại tiền cọc 340.000.000 đồng.

Ngày 11/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu kháng nghị đề nghị sửa án sơ thẩm, không phạt cọc 680.000.000 đồng và buộc bà B nộp án phí giá ngạch trên số tiền phạt cọc.

Tại phiên tòa, bà B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Cấp sơ thẩm xử buộc bà B thanh toán tiền phạt cọc theo hợp đồng là chưa có căn cứ, vì pháp luật chỉ quy định phạt cọc gấp đôi; nếu bà B vi phạm hợp đồng thì phải trừ số tiền ghe lúa Công ty chưa thanh toán 169.280.000 đồng, mới phạt cọc; cấp sơ thẩm buộc Công ty thanh toán ngược lại số tiền này là thiệt thòi quyền lợi của bà B và chỉ phải nộp án phí có giá ngạch trên số tiền phạt cọc mới đúng. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận toàn bộ kháng cáo, kháng nghị sửa án sơ thẩm, không phạt cọc 680.000.000 đồng, nộp án phí có giá ngạch trên số tiền phạt cọc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông G có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn G.

Đơn kháng cáo của bà B, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trong thời hạn luật định là hợp lệ được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Ngày 25/01/2020 (âm lịch) Công ty A và bà B ký Hợp đồng mua bán lúa tươi, nội dung bà B bán cho Công ty 1000 tấn lúa Đài Thơm 8 và 1000 tấn lúa OM18 với giá 5.080 đồng/kg, thời gian giao lúa từ ngày 15/02/2020 đến ngày 05/3/2020 (âm lịch). Công ty đã đặt cọc, giao cho bà B 600.000.000 đồng, thỏa thuận nếu không thực hiện đúng phạt ba lần cọc. Hết thời hạn bà B giao không đủ lúa theo thỏa thuận, cho rằng nông dân bán lúa cho người khác, không có lúa mua giao đủ cho Công ty và bà B đã hoàn lại 260.000.000 đồng tiền đặt cọc, còn giữ tiền cọc là

340.000.000 đồng. Công ty yêu cầu bà B trả tiền cọc và phạt cọc theo thỏa thuận tổng cộng số tiền 1.020.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà B cho rằng không có khả năng thanh toán tiền phạt cọc, xin chỉ trả lại tiền cọc là 340.000.000 đồng. Công ty xác định, do bà B vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho Công ty, vì Công ty làm trung gian mua lúa rồi bán lại, Công ty không có lúa giao đủ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C, cũng phải bồi thường 1.080.000.000 đồng.

[3] Xét thấy, tại Hợp đồng mua bán nêu trên thể hiện đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng, Công ty đã đặt cọc, giao cho bà B 600.000.000 đồng, thỏa thuận nếu bà B không giao đủ số lúa, sẽ phải đền cọc gấp ba lần với số tiền đã đặt cọc, không đổ thừa cho cò lúa hoặc bà con nông dân hay lúa thất hoặc lý do khác. Tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự quy định: ... *“nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc là một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Như vậy, các bên có thỏa thuận là phạt ba lần cọc, bà B đã hoàn lại 260.000.000 đồng tiền đặt cọc, còn giữ tiền cọc là 340.000.000 đồng, nên Công ty yêu cầu bà B trả tiền cọc và phạt cọc theo thỏa thuận tổng cộng số tiền 1.020.000.000 đồng và cấp sơ thẩm đã chấp nhận và buộc bà B thanh toán tiền phạt cọc theo thỏa thuận là có cơ sở, cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà B và kháng nghị của Viện kiểm sát phần này.

[4] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát, cấp sơ thẩm buộc bà B nộp án phí có giá ngạch của số tiền phải thanh toán là không đúng, do bà B chỉ phải nộp án phí giá ngạch trên số tiền phạt cọc. Xét thấy tại khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án quy định: *“...Tòa án chấp nhận phạt cọc thì bên không chấp nhận phạt cọc phải chịu án phí như trường hợp vụ án dân sự có giá ngạch đối với phần phạt cọc”*.

Do vậy, có căn cứ cấp sơ thẩm buộc án phí trên tổng số tiền 1.020.000.000 đồng, có cả tiền cọc là chưa phù hợp, sửa án sơ thẩm phần này, như đề nghị của Viện kiểm sát. Bà B nộp án phí là 20.000.000 đồng + 11.200.000 đồng (4% của 280.000.000 đồng) = 31.200.000 đồng + 300.000 đồng án phí không giá ngạch + 31.500.000 đồng.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm, bà B không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bà B, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát sửa

một phần Bản án sơ thẩm số: 22/2021/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc về án phí.

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các điều 3, 328, 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với bà B. Buộc bà B có nghĩa vụ trả cho Công ty A số tiền 1.020.000.000 đồng. (Một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng), trong đó tiền đặt cọc là 340.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 680.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà B đối với Công ty A. Buộc Công ty A có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 169.280.000 đồng. (Một trăm sáu mươi chín triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng)

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà B yêu cầu Công ty A trả tiền hỗ trợ giá lúa 100.000.000 đồng.

4. Về án phí: Buộc Công ty A nộp án phí dân sự sơ thẩm là 8.464.000 đồng, đã dự nộp 21.300.000 đồng, tại Biên lai thu số: 0009359, ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu; được nhận lại 12.836.000 đồng (mười hai triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bà B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 31.500.000 đồng, đã dự nộp 6.732.000 đồng, tại Biên lai thu số 0009666, ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu; còn nộp tiếp 24.768.000 đồng, (hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng), tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà B không phải nộp. Bà B đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0004792 ngày 11/6/2021 tại Chi cục Thi hành án huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Đường sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương